TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2026/HNGĐ-PT**
Ngày: **28 – 5 – 2026**
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Nhân**
Bà **Đinh Thị Kiều Lương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Mến** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2026/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, con chung"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Phương N**, sinh ngày 27/12/1993.

Số Căn cước công dân: 070193002183, cấp ngày 16/3/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ).

2. Bị đơn: Ông **Lỗ Văn D**, sinh ngày 23/9/1991.

Số Căn cước công dân: 019091007142, cấp ngày 12/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ).

Địa chỉ liên hệ: Tổ E, ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

***Người kháng cáo*:** Bị đơn ông Lỗ Văn D.

(Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Phương N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, thành phố Đ) vào ngày 01/4/2019. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên trong những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nay, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng bà N, ông D đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành khu vực 9 – tỉnh Đồng Nai giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Hồ Thị Phương N và ông Lỗ Văn D có hai con chung, gồm: cháu Lỗ Tuệ L, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Lỗ Khang N1, sinh ngày 28/4/2023. Từ khi ly thân, các con chung là cháu N1 và cháu L do bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 và cháu L cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng 4.000.000/02 cháu/tháng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2025 và tại phiên tòa, bà N rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét gải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lỗ Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về việc chung sống, kết hôn. Còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai không hiểu nhau, tính tình không hợp. Nên trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông D đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D và bà N có hai con chung gồm: cháu Lỗ Tuệ L, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Lỗ Khang N1, sinh ngày 28/4/2023. Ông D thống nhất từ khi ly thân các con chung sống với bà N, nhưng khi ly hôn ông D có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu L cho đến khi trưởng thành 18 tuổi, còn cháu N1 sẽ do bà N nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành 18 tuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Phương N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phương N và ông Lỗ Văn D ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lỗ Tuệ L (sinh ngày 04/10/2020) và cháu Lỗ Khang N1 (sinh ngày 28/4/2023) cho bà Hồ Thị Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hồ Thị Phương N. Ông Lỗ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

3. Kháng cáo của bị đơn:

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, bị đơn ông Lỗ Văn D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai theo hướng: Giao cho bị đơn ông Lỗ Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lỗ Tuệ L, sinh ngày 04/10/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

4. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có kháng cáo nên không đặt ra xem xét.

- Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là cháu Lỗ Tuệ L, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Lỗ Khang N1, sinh ngày 28/4/2023.

Bà N và ông D thống nhất giao cháu Lỗ Khang N1 cho bà N trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông D kháng cáo xin được giao cháu L1 Tuệ Lâm cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc: Xét thấy, từ trước đến nay các cháu vẫn ở với bà N, được bà N chăm sóc tốt, đặc biệt cháu L là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Ông D không chứng minh được việc giao cháu L cho ông thì cháu sẽ được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn bà N nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D.

Do Bà N rút yêu cầu đối với phần cấp dưỡng nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lỗ Văn D; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo của ông Lỗ Văn D làm trong hạn luật định, đương sự đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Phương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn ông D:

Đối với phần quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là cháu Lỗ Tuệ L, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Lỗ Khang N1, sinh ngày 28/4/2023.

Đối với cháu Lỗ Khang N1, bà N và ông D thống nhất giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với cháu Lỗ Tuệ L thì bà N và ông D đều có nguyện vong được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của các bậc cha mẹ và cả ông D, bà N đều đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Tuy nhiên, xét thấy từ trước đến nay các cháu vẫn ở với bà N, được bà N chăm sóc tốt, các cháu được học hành đầy đủ, đã quen với môi trường, điều kiện sinh hoạt hàng

ngày, đặc biệt cháu L là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống của các cháu, cấp sơ thẩm giao cháu L cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Do Bà N rút yêu cầu đối với phần cấp dưỡng nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D kháng cáo xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nhưng bản thân ông cũng thừa nhận ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L không tốt hoặc cản trở ông thăm con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà N phải chịu án theo quy định của pháp luật.

[3.2] Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn ông Lỗ Văn D không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lỗ Văn D; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Phương N và ông Lỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lỗ Tuệ L (sinh ngày 04/10/2020) và cháu Lỗ Khang N1 (sinh ngày 28/4/2023) cho bà Hồ Thị Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hồ Thị Phương N. Ông Lỗ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Vì quyền lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không bảo đảm được quyền, lợi ích của con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007949 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Phương N 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

5.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Lỗ Văn D phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005675 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Ông D đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND khu vực 9 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS KV 9 – Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai;
- Các Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương